



## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 11176/2026/PKQ (4548.01W2606.0392)

**Đơn vị yêu cầu thử nghiệm :** Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng cấp thoát nước và môi trường Ba Vì  
**Địa chỉ :** Thôn Hưng Đạo, Xã Quảng Oai, TP Hà Nội, Việt Nam  
**Loại mẫu :** Nước sạch  
**Số lượng mẫu :** 01  
**Thời gian nhận mẫu :** 02/06/2026  
**Thời gian thử nghiệm :** 02/06/2026 - 19/06/2026

| TT  | Thông số                                                                           | Đơn vị    | Phương pháp thử                               | Kết quả         | QCVN 01-1:2024/BYT       |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------|-----------|-----------------------------------------------|-----------------|--------------------------|
|     |                                                                                    |           |                                               |                 | Ngưỡng giới hạn cho phép |
| 1.  | Coliform tổng số <sup>(a)</sup>                                                    | CFU/100mL | TCVN 6187-1: 2019                             | KPH             | <1                       |
| 2.  | E.Coli <sup>(a)</sup>                                                              | CFU/100mL | TCVN 6187-1: 2019                             | KPH             | < 1                      |
| 3.  | Arsenic (As) <sup>(a)</sup>                                                        | mg/L      | US EPA 6020B: 2014                            | <0,0007         | 0,01                     |
| 4.  | Clo dư tự do <sup>(a)</sup>                                                        | mg/L      | SMEWW 4500 Cl G: 2023                         | 0,22            | Trong khoảng 0,2-1,0     |
| 5.  | Độ đục <sup>(a)</sup>                                                              | NTU       | SMEWW 2130B: 2023                             | <1              | 2                        |
| 6.  | Màu sắc <sup>(a)</sup>                                                             | TCU       | SMEWW 2120 B: 2023                            | <5              | 15                       |
| 7.  | Mùi <sup>(a)</sup>                                                                 | -         | ISTEE.MV: 2024 (Ref. SMEWW 2150 & 2160: 2023) | Không có mùi lạ | Không có mùi lạ          |
| 8.  | pH <sup>(a)</sup>                                                                  | -         | TCVN 6492: 2011                               | 7,27            | Trong khoảng 6,0-8,5     |
| 9.  | Amoni (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N) <sup>(a)</sup> | mg/L      | TCVN 6179 - 1: 1996                           | <0,01           | 1                        |
| 10. | Permanganat <sup>(a)</sup>                                                         | mg /L     | TCVN 6186: 1996                               | 0,58            | 2                        |

Ghi chú: KPH: Không phát hiện

- **QCVN 01-1:2024/BYT:** Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

- **01W2606.0392:** Mẫu nước cuối mạng lưới lấy tại vị trí trước khi cấp vào bể chứa hộ ông ( bà) Phan Đình Hiếu, thôn Táo 3- xã Hát Môn - TP Hà Nội - ( Tình trạng mẫu: Bảo quản lạnh, không hâm hóa chất)

- (a): Thông số được Vilas công nhận; - Mẫu do khách hàng mang đến.

Hà Nội, ngày 19 tháng 06 năm 2026

PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ  
PHÁT TRIỂN

QA/QC

K/T VIỆN TRƯỞNG  
PHÓ VIỆN TRƯỞNG

Vũ Văn Tú

Đậu Xuân Tiến

Nguyễn Quang Ninh





VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM  
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG  
PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN (R&D)  
(VILAS 366 - VIMCERTS 079)



Địa chỉ: P806, Ngõ 430, số 18 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Hà Nội, Việt Nam  
Điện thoại: (84-24) 3791 1654 Fax: (84-24) 3791 1203

ISO/IEC 17025:2017



## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 11175/2026/PKQ (4548.01W2606.0391)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng cấp thoát nước và môi trường Ba Vì  
Địa chỉ : Thôn Hưng Đạo, Xã Quảng Oai, TP Hà Nội, Việt Nam  
Loại mẫu : Nước sạch  
Số lượng mẫu : 01  
Thời gian nhận mẫu : 02/06/2026  
Thời gian thử nghiệm : 02/06/2026 - 19/06/2026

| TT  | Thông số                                                                           | Đơn vị    | Phương pháp thử                               | Kết quả         | QCVN 01-1:2024/BYT       |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------|-----------|-----------------------------------------------|-----------------|--------------------------|
|     |                                                                                    |           |                                               |                 | Ngưỡng giới hạn cho phép |
| 1.  | Coliform tổng số <sup>(a)</sup>                                                    | CFU/100mL | TCVN 6187-1: 2019                             | KPH             | <1                       |
| 2.  | E.Coli <sup>(a)</sup>                                                              | CFU/100mL | TCVN 6187-1: 2019                             | KPH             | < 1                      |
| 3.  | Arsenic (As) <sup>(a)</sup>                                                        | mg/L      | US EPA 6020B: 2014                            | <0,0007         | 0,01                     |
| 4.  | Clo dư tự do <sup>(a)</sup>                                                        | mg/L      | SMEWW 4500 Cl G: 2023                         | 0,25            | Trong khoảng 0,2-1,0     |
| 5.  | Độ đục <sup>(a)</sup>                                                              | NTU       | SMEWW 2130B: 2023                             | <1              | 2                        |
| 6.  | Màu sắc <sup>(a)</sup>                                                             | TCU       | SMEWW 2120 B: 2023                            | <5              | 15                       |
| 7.  | Mùi <sup>(a)</sup>                                                                 | -         | ISTEE.MV: 2024 (Ref. SMEWW 2150 & 2160: 2023) | Không có mùi lạ | Không có mùi lạ          |
| 8.  | pH <sup>(a)</sup>                                                                  | -         | TCVN 6492: 2011                               | 7,35            | Trong khoảng 6,0-8,5     |
| 9.  | Amoni (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N) <sup>(a)</sup> | mg/L      | TCVN 6179 - 1: 1996                           | <0,01           | 1                        |
| 10. | Permanganat <sup>(a)</sup>                                                         | mg /L     | TCVN 6186: 1996                               | 0,51            | 2                        |

Ghi chú: KPH: Không phát hiện

- QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

- 01W2606.0391: Mẫu nước giữa mạng lưới tại vị trí đồng hồ, trước khi cấp vào bể chứa hộ ông( bà) Hà Quang Linh, thôn Bảo Vệ 1 - xã Phúc Thọ - TP Hà Nội - (Tình trạng mẫu: Bảo quản lạnh, không hâm hóa chất)

- (a): Thông số được Vilas công nhận; - Mẫu do khách hàng mang đến.

Hà Nội, ngày 19 tháng 06 năm 2026

PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ  
PHÁT TRIỂN

QA/QC

K/T VIỆN TRƯỞNG  
PHÓ VIỆN TRƯỞNG

Vũ Văn Tú

Đặng Xuân Tiên



Nguyễn Quang Ninh

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học công nghệ Năng lượng và Môi trường.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.





## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 11174/2026/PKQ (4548.01W2606.0390)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng cấp thoát nước và môi trường Ba Vì  
Địa chỉ : Thôn Hưng Đạo, Xã Quảng Oai, TP Hà Nội, Việt Nam  
Loại mẫu : Nước sạch  
Số lượng mẫu : 01  
Thời gian nhận mẫu : 02/06/2026  
Thời gian thử nghiệm : 02/06/2026 - 19/06/2026

| TT  | Thông số                                                                           | Đơn vị    | Phương pháp thử                               | Kết quả         | QCVN 01-1:2024/BYT        |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------|-----------|-----------------------------------------------|-----------------|---------------------------|
|     |                                                                                    |           |                                               |                 | Nghưỡng giới hạn cho phép |
| 1.  | Coliform tổng số <sup>(a)</sup>                                                    | CFU/100mL | TCVN 6187-1: 2019                             | KPH             | <1                        |
| 2.  | E.Coli <sup>(a)</sup>                                                              | CFU/100mL | TCVN 6187-1: 2019                             | KPH             | < 1                       |
| 3.  | Arsenic (As) <sup>(a)</sup>                                                        | mg/L      | US EPA 6020B: 2014                            | <0,0007         | 0,01                      |
| 4.  | Clo dư tự do <sup>(a)</sup>                                                        | mg/L      | SMEWW 4500 Cl G: 2023                         | 0,3             | Trong khoảng 0,2-1,0      |
| 5.  | Độ đục <sup>(a)</sup>                                                              | NTU       | SMEWW 2130B: 2023                             | <1              | 2                         |
| 6.  | Màu sắc <sup>(a)</sup>                                                             | TCU       | SMEWW 2120 B: 2023                            | <5              | 15                        |
| 7.  | Mùi <sup>(a)</sup>                                                                 | -         | ISTEE.MV: 2024 (Ref. SMEWW 2150 & 2160: 2023) | Không có mùi lạ | Không có mùi lạ           |
| 8.  | pH <sup>(a)</sup>                                                                  | -         | TCVN 6492: 2011                               | 7,16            | Trong khoảng 6,0-8,5      |
| 9.  | Amoni (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N) <sup>(a)</sup> | mg/L      | TCVN 6179 - 1: 1996                           | <0,01           | 1                         |
| 10. | Permanganat <sup>(a)</sup>                                                         | mg /L     | TCVN 6186: 1996                               | 0,51            | 2                         |

Ghi chú: KPH: Không phát hiện

- QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

- 01W2606.0390: Mẫu nước đầu mạng lưới tại vị trí đồng hồ, trước khi cấp vào bể chứa hộ ông ( bà) Nguyễn Thành Công, xóm Trung Tăng Cầu- xã Vặt Lại - TP Hà Nội - ( Tình trạng mẫu: Bảo quản lạnh, không hâm hóa chất)

- (a): Thông số được Vilas công nhận; - Mẫu do khách hàng mang đến.

Hà Nội, ngày 19 tháng 06 năm 2026

PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ  
PHÁT TRIỂN

Vũ Văn Tú

QA/QC

Đậu Xuân Tiên

K/T VIỆN TRƯỞNG  
PHÓ VIỆN TRƯỞNG

Nguyễn Quang Ninh





VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM  
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG  
PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN (R&D)  
(VILAS 366 - VIMCERTS 079)

Địa chỉ: P800, nhà A30, số 18 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Hà Nội, Việt Nam  
Điện thoại: (84-24) 3791 1654 Fax: (84-24) 3791 1203



ISO/IEC 17025:2017



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 11173/2026/PKQ (4548.01W2606.0389)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : **VILAS 366** ở phần đầu tư xây dựng cấp thoát nước và môi trường Ba Vì  
Địa chỉ : Thôn Hưng Đạo, Xã Quảng Oai, TP Hà Nội, Việt Nam  
Loại mẫu : Nước sạch  
Số lượng mẫu : 01  
Thời gian nhận mẫu : 02/06/2026  
Thời gian thử nghiệm : 02/06/2026 - 19/06/2026

| TT  | Thông số                                                                           | Đơn vị    | Phương pháp thử                               | Kết quả         | QCVN 01-1:2024/BYT       |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------|-----------|-----------------------------------------------|-----------------|--------------------------|
|     |                                                                                    |           |                                               |                 | Ngưỡng giới hạn cho phép |
| 1.  | Coliform tổng số <sup>(a)</sup>                                                    | CFU/100mL | TCVN 6187-1: 2019                             | KPH             | <1                       |
| 2.  | E.Coli <sup>(a)</sup>                                                              | CFU/100mL | TCVN 6187-1: 2019                             | KPH             | < 1                      |
| 3.  | Arsenic (As) <sup>(a)</sup>                                                        | mg/L      | US EPA 6020B: 2014                            | <0,0007         | 0,01                     |
| 4.  | Clo dư tự do <sup>(a)</sup>                                                        | mg/L      | SMEWW 4500 Cl G: 2023                         | 0,35            | Trong khoảng 0,2-1,0     |
| 5.  | Độ đục <sup>(a)</sup>                                                              | NTU       | SMEWW 2130B: 2023                             | <1              | 2                        |
| 6.  | Màu sắc <sup>(a)</sup>                                                             | TCU       | SMEWW 2120 B: 2023                            | <5              | 15                       |
| 7.  | Mùi <sup>(a)</sup>                                                                 | -         | ISTEE.MV: 2024 (Ref. SMEWW 2150 & 2160: 2023) | Không có mùi lạ | Không có mùi lạ          |
| 8.  | pH <sup>(a)</sup>                                                                  | -         | TCVN 6492: 2011                               | 7,25            | Trong khoảng 6,0-8,5     |
| 9.  | Amoni (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N) <sup>(a)</sup> | mg/L      | TCVN 6179 - 1: 1996                           | <0,01           | 1                        |
| 10. | Permanganat <sup>(a)</sup>                                                         | mg /L     | TCVN 6186: 1996                               | 0,58            | 2                        |

Ghi chú: KPH: Không phát hiện

- **QCVN 01-1:2024/BYT**: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

- **01W2606.0389**: Mẫu nước sau xử lý lấy tại bể chứa nhà máy nước sạch Sông Đà - Ba Vì, Khu Rừng Chùa - Thôn Đông Hữu - Xã Vật Lại - TP Hà Nội - (Tình trạng mẫu: Bảo quản lạnh, không hâm hóa chất)

- (a): Thông số được Vilas công nhận; - Mẫu do khách hàng mang đến.

Hà Nội, ngày 19 tháng 06 năm 2026

PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ  
PHÁT TRIỂN

Vũ Văn Tú

QA/QC

Đậu Xuân Tiến

K/T VIỆN TRƯỞNG  
PHÓ VIỆN TRƯỞNG

Nguyễn Quang Ninh

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học công nghệ Năng lượng và Môi trường.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.